

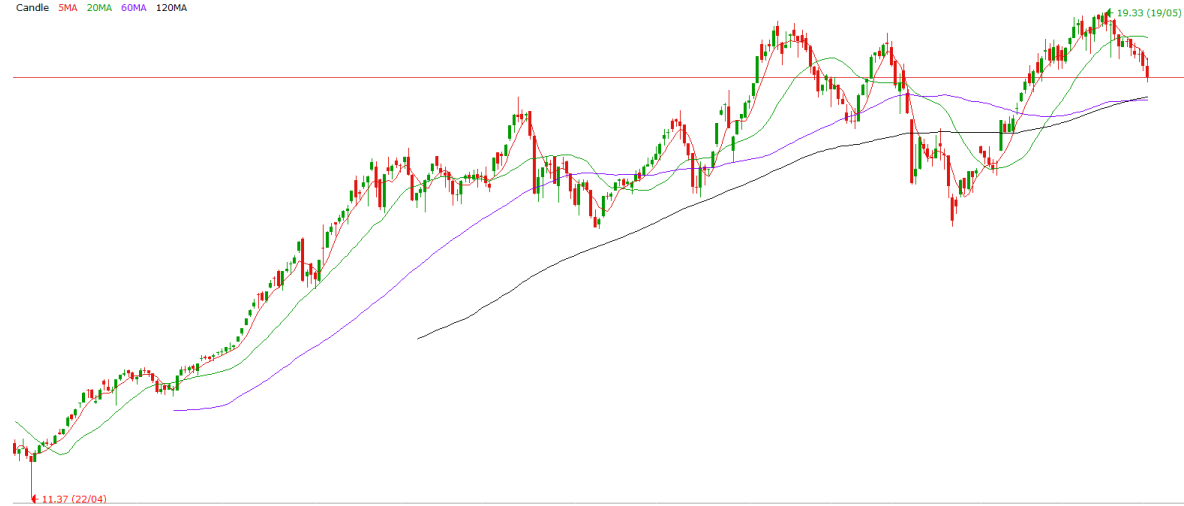
BẢN TIN HÀNG NGÀY

02 tháng 6 năm 2026



NVL nằm sàn, Vn-Index giảm 18 điểm

- Vn-Index tăng nhẹ đầu ngày, nhưng sau đó giảm dần trong suốt quãng thời gian còn lại, và đóng cửa giảm 18 điểm
- 1 số ít mã tăng, có lẽ nhờ khối ngoại mua ròng như BVH FPT
- Số mã giảm gấp 2.75 lần số mã tăng, hầu hết cổ phiếu giảm điểm
- NVL thậm chí giảm sàn với dư bán sàn tới 24.4 triệu cổ phiếu trong phiên chiều
- Tóm lại, thị trường giảm trên diện rộng, dù chỉ có 3 mã giảm sàn
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 42.6% so với ngày trước đó.

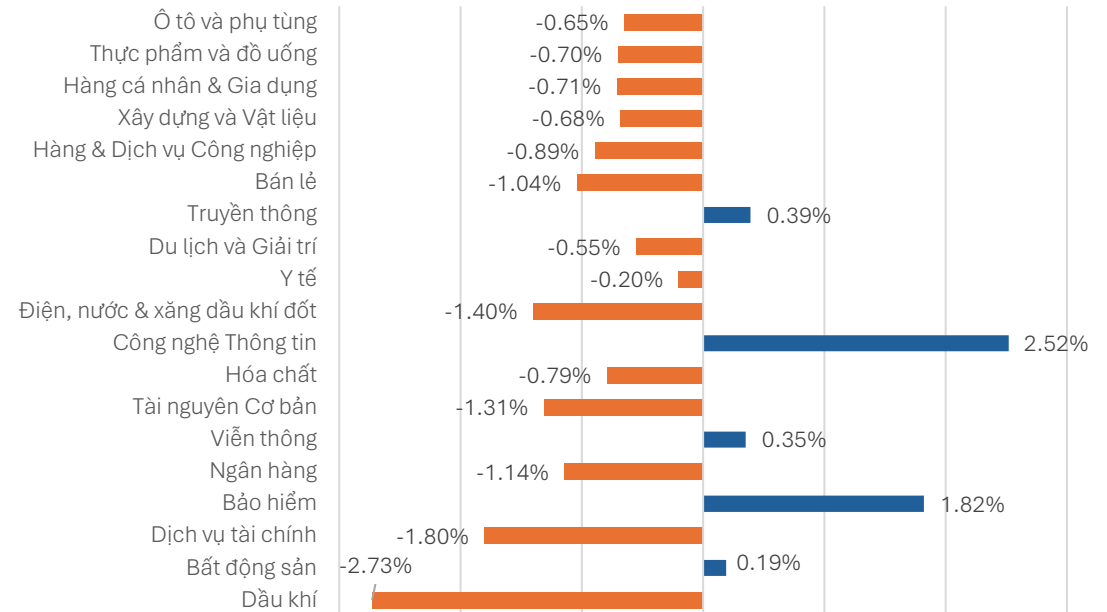


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,826.5	314.8	126.0
(+/-)	-18.07	9.61	0.22
(%)	-0.98%	3.15%	0.17%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	727	62	24
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	19,486	994	483
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(540)	(17)	(1)
Số mã tăng	87	62	104
Số mã giảm	226	80	116
Số mã giá không đổi	52	48	85

1.

Nhận định thị trường

- Hôm nay có 2 tin kém tích cực với thị trường: 1) BIDV tăng lãi suất online từ thêm từ 0.8% đến 1.1% tùy từng kỳ hạn, và 2) Lãi suất qua đêm liên ngân hàng tăng vọt lên mức 11%
- Nhiều khả năng VCB CTG Agribank cũng sẽ tăng lãi suất trong vài ngày tới, do nhóm Big 4 thường hành động cùng nhau.
- Với áp lực bán lớn (giảm điểm với thanh khoản tăng mạnh), nhiều khả năng, Vn-Index sẽ phải tìm đến hỗ trợ ở vùng thấp hơn là 1,800 điểm.
- Với vùng giá hiện tại, sẽ là khó tin nếu vùng 1,800 điểm cũng tiếp tục bị vỡ.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	12.73	1.80
2	Nguyên vật liệu	13.23	1.57
3	Công nghiệp	12.99	1.78
4	Hàng Tiêu dùng	13.67	2.28
5	Dược phẩm và Y tế	15.72	1.53
6	Dịch vụ Tiêu dùng	19.24	3.52
7	Viễn thông	23.01	5.94
8	Tiện ích Cộng đồng	12.53	1.76
9	Tài chính	20.81	2.89
10	Ngân hàng	9.29	1.50
11	Công nghệ Thông tin	13.29	2.62

2.

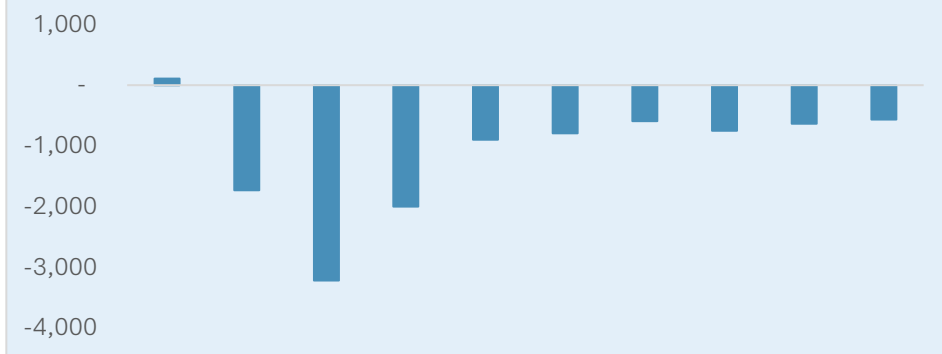
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
SSB	1.41%	KDH	1.32%	DSC	0.39%	FMC	0.43%	CTR	1.59%	PTB	0.63%	BWE	0.70%	DGC	1.90%
ACB	0.80%	KOS	0.52%	BCG	0.00%	BHN	0.17%	HTI	0.21%	DHC	0.00%	PPC	0.20%	PHR	1.03%
OCB	0.43%	VIC	0.00%	DSE	-1.33%	ASM	0.00%	PC1	0.00%	NKG	-0.37%	SHP	0.00%	VFG	0.32%
MSB	0.35%	SJS	-0.20%	AGR	-1.72%	KDC	-0.20%	BMP	-1.17%	ACG	-0.44%	VSH	0.00%	DPR	-0.24%
NAB	-0.42%	CRE	-0.50%	FTS	-1.86%	SAB	-0.42%	HHV	-1.28%	HPG	-1.46%	HNA	0.00%	CSV	-0.40%
BID	-0.48%	VRE	-0.64%	TVS	-1.92%	BAF	-0.58%	VGC	-1.64%	HSG	-2.81%	TMP	-0.43%	AAA	-0.71%
STB	-0.60%	VHM	-0.79%	BSI	-2.00%	DBC	-0.69%	VCG	-2.23%			PGV	-1.06%	DCM	-0.77%
TPB	-0.64%	IJC	-1.24%	VIX	-2.79%	VNM	-0.85%	CTD	-3.05%			GEG	-1.06%	GVR	-1.28%
VCB	-0.96%	SIP	-1.55%	CTS	-2.88%	VHC	-0.86%	CII	-5.43%			CHP	-1.07%	DPM	-1.95%
SHB	-1.09%	VPI	-1.59%			SBT	-0.99%					REE	-1.37%		
TCB	-1.39%	DXS	-1.70%			MCM	-1.08%					POW	-1.81%		
EIB	-1.64%	HDG	-1.71%			MSN	-2.01%					NT2	-1.96%		
LPB	-1.74%	KBC	-1.81%			HAG	-2.27%					GAS	-2.38%		
MBB	-1.79%	QCG	-1.94%			ANV	-2.31%					PGD	-3.78%		
VPB	-1.86%	DIG	-2.27%			PAN	-3.09%					TDM	-4.30%		
VIB	-1.86%	HDC	-2.27%			VCF	-4.43%								
CTG	-2.03%	SZC	-2.34%												
HDB	-3.30%	BCM	-2.56%												
		NLG	-2.62%												
		DXG	-2.65%												
		TCH	-3.23%												
		PDR	-5.28%												
		NVL	-6.89%												

3.

Giao dịch khối ngoại

Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	503.30	21.30	481.99
2	VHM	HOSE	221.19	155.13	66.07
3	MWG	HOSE	103.09	37.72	65.37
4	LPB	HOSE	39.95	9.75	30.21
5	SHB	HOSE	31.30	2.62	28.67
6	KDH	HOSE	31.96	5.08	26.88
7	GMD	HOSE	86.20	61.97	24.23
8	VCB	HOSE	68.75	44.57	24.18
9	VIC	HOSE	98.44	82.09	16.35
10	MSB	HOSE	22.92	7.36	15.56
11	BVH	HOSE	18.69	3.85	14.84
12	BID	HOSE	22.18	7.70	14.48
13	CII	HOSE	14.45	0.08	14.37
14	VNM	HOSE	95.04	81.76	13.27
15	DIG	HOSE	7.33	0.04	7.29

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	HPG	HOSE	15.72	140.08	- 124.36
2	HDB	HOSE	6.06	128.28	- 122.22
3	ACB	HOSE	109.50	228.20	- 118.70
4	CTG	HOSE	16.90	122.76	- 105.85
5	VPB	HOSE	22.72	125.85	- 103.14
6	MBB	HOSE	4.96	81.59	- 76.63
7	STB	HOSE	39.03	113.31	- 74.27
8	TCB	HOSE	3.67	66.16	- 62.49
9	PC1	HOSE	6.90	58.00	- 51.10
10	SSI	HOSE	13.71	57.69	- 43.98
11	TPB	HOSE	1.12	27.60	- 26.48
12	VIB	HOSE	3.97	27.41	- 23.44
13	GAS	HOSE	9.96	29.32	- 19.36
14	DCM	HOSE	4.94	24.10	- 19.16
15	MSN	HOSE	13.00	32.00	- 19.00

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	95.58	3.83%	2.31%	57.07%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	92.47	5.85%	2.39%	61.04%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,484.86	-1.20%	-1.89%	3.68%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,141	0.01%	0.01%	0.08%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,398	0.02%	0.02%	0.08%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,320	-0.49%	-0.38%	-1.86%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	11.00%	4.03%	4.03%	9.23%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.53%	-0.01%	0.01%	0.46%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.66%	0.00%	0.01%	0.48%

Lãi suất qua đêm tăng vọt lên 11%, Ngân hàng Nhà nước bơm mạnh VND

Theo ghi nhận trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng ngày 1/6, lãi suất VND đã tăng mạnh ở hầu hết các kỳ hạn ngắn; trong đó, lãi suất bình quân qua đêm tăng 4 điểm phần trăm so với phiên cuối tuần trước, lên 11%/năm.

Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã bơm ròng khoảng 13.619 tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở trong phiên 1/6 để đẩy mạnh hỗ trợ thanh khoản VND.

Nhóm ngân hàng thương mại nhà nước bắt đầu điều chỉnh tăng lãi suất tiền gửi

Ngày 1/6, theo biểu lãi suất huy động trực tuyến vừa được BIDV công bố lãi suất tiền gửi trực tuyến kỳ hạn từ 6-11 tháng được nâng lên 6,6%/năm, tăng 1,2% so với trước đó. Với các kỳ hạn từ 12-36 tháng, lãi suất đồng loạt được nâng lên 6,8%/năm. Đây là mức điều chỉnh khá mạnh nếu so với mặt bằng lãi suất huy động thời gian qua và là tín hiệu cho thấy áp lực huy động vốn trong hệ thống ngân hàng đang gia tăng.

5.

Bản tin doanh nghiệp

**SSB: SeABank nâng 'room' ngoại lên 30%**

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SSB) vừa có thông báo đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa từ mức 5% duy trì trước đó lên 30%.

Tại thời điểm ngày 1/6/2026, SeABank hiện có gần 2,8 tỷ cổ phiếu đang lưu hành. Với room ngoại tối đa 30%, nhà đầu tư nước ngoài được phép nắm giữ tối đa khoảng 853,5 triệu cổ phiếu SSB. Hiện khối ngoại mới sở hữu khoảng 6,63 triệu cổ phiếu, tương ứng dư địa còn lại có thể mua thêm lên tới hơn 846,8 triệu cổ phiếu.

**MPC: Thủy sản Minh Phú đặt mục tiêu lợi nhuận tăng 83% trong năm 2026 mặc dù thị trường Mỹ hồi phục chậm**

Theo tài liệu dự kiến trình ĐHCĐ thường niên 2026, CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (MPC) đặt kế hoạch sản xuất 68,800 tấn tôm thành phẩm, doanh thu hợp nhất 19.9 ngàn tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1,059 tỷ đồng.

Kế hoạch lợi nhuận kỷ lục được đưa ra trong lúc thị trường xuất khẩu chủ lực vẫn tương đối ảm đạm. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Q1/2026 Mỹ nhập khẩu gần 182,000 tấn tôm từ Việt Nam, thấp hơn 11% so với cùng kỳ, cho thấy nhu cầu tiêu thụ vẫn phục hồi khá chậm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp xuất khẩu tôm còn chịu áp lực từ thuế chống bán phá giá khiến việc chào giá và ký đơn hàng mới trở nên khó khăn hơn.

**NLG: Nam Long sắp chi hơn 240 tỷ đồng trả cổ tức năm 2025**

Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long (NLG) thông báo ngày 15/6 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt tỷ lệ 5%. Với hơn 485 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính NLG sẽ chi 242,5 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Ngày thanh toán là 30/6/2026.

Về hoạt động kinh doanh, trong quý I/2026, Nam Long ghi nhận doanh thu thuần 1.271 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ giảm 37% về mức 68 tỷ đồng.

6.

Lịch sự kiện

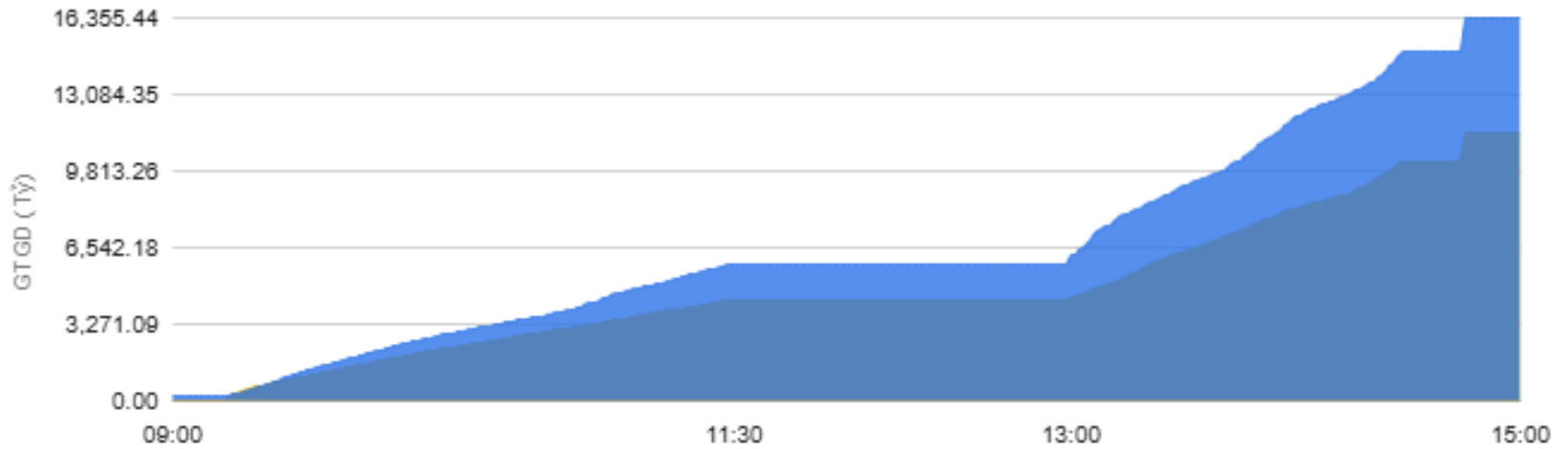
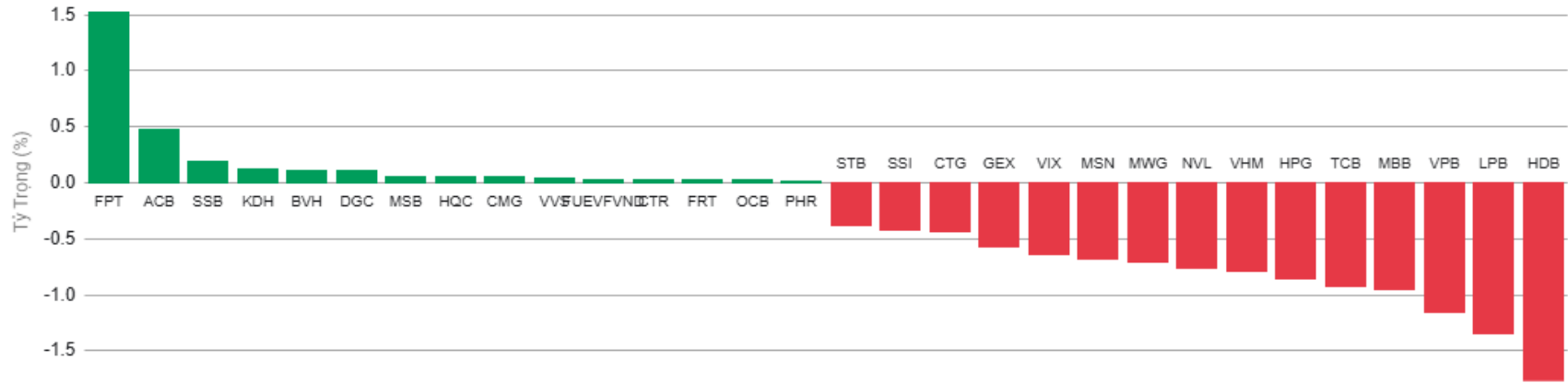
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
DRC	03/06/2026	26/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
DTP	03/06/2026		Phát hành cổ phiếu	25%	
HTI	03/06/2026	16/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
BHK	04/06/2026	25/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	9%	900
CPC	04/06/2026	24/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
CAT	04/06/2026	24/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
DVP	04/06/2026	29/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	50%	5,000
NHF	04/06/2026	16/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
MGC	04/06/2026	26/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3%	300
TAW	04/06/2026	26/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.15%	1,515
TDB	04/06/2026	19/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
THG	04/06/2026	10/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
THT	04/06/2026	30/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8%	800
TMG	04/06/2026	16/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	35%	3,500
CKD	05/06/2026	30/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
PVT	05/06/2026		Phát hành cổ phiếu	10%	
DBC	05/06/2026		Phát hành cổ phiếu	12%	
DBC	05/06/2026	24/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3%	300
CLW	05/06/2026	28/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	16%	1,600

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



● Tổng GTGD Hôm Nay ● Tổng GTGD Hôm Qua

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (02/06/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	32,381	26,450	22.4%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	15,600	50.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	36,300	31,900	13.8%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	24,650	23.2%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	25,100	14.5%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	24,900	29.3%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	33,850	18.8%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	61,600	16.9%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	41,700	14.4%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	66,600	-11.9%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	30,636	23,700	29.3%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	12,100	2.6%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	13,600	17.3%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	19,250	42.6%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	67,400	53,400	26.2%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	21,550	38.1%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (02/06/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	26,050	72.7%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	22,950	83.0%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	18,246	12,850	42.0%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,500	60.0%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	29,850	35.7%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	53,300	55.7%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	31,000	-3.2%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	150,800	-42.2%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	17,200	40.7%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	15,250	22.0%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	127,700	33.1%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	77,900	38.0%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	29,250	38.5%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	49,000	39,400	24.4%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

